

Bản án số: 75/2023/HS-ST

Ngày: 24 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Anh Dũng - Cán bộ hưu trí;
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử kín, tuyên án công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 504/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 622/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1868/HPT-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/HPT-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử số: 39/TB-TA ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2000; Nơi sinh: tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Tổ D, khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Họ tên cha: Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1964 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976 (còn sống); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình và chưa có vợ. Bị cáo có 01 con chung với cháu Nguyễn Quỳnh Tố N sinh ngày 06 tháng 6 năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Cháu **Nguyễn Quỳnh Tổ N**, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Địa chỉ thường trú: Khu phố H, phường I, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ J, khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai. (có mặt tại phiên tòa)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1975 (cha ruột bị hại) và bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm: 1983 (mẹ ruột bị hại).

Địa chỉ thường trú: Khu phố H, phường I, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ J, khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai. (bà A có mặt tại phiên tòa; ông T vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Bà **Bùi Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Tháng 4 năm 2021, Nguyễn Văn D quen biết với cháu Nguyễn Quỳnh Tổ N (sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006, thường trú tại: Khu phố H, phường I, thành phố G, tỉnh Đồng Nai) qua mạng xã hội facebook. Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến cuối tháng 10 năm 2021, lợi dụng cháu N đang ở độ tuổi chưa thành niên và ít hiểu biết nên D đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu N khoảng 15 lần. Hành vi phạm tội của D như sau:

- Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2021, D đến phòng trọ số 3 của cháu N thuộc khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai chơi. Sau đó, D rủ cháu N đi thuê nhà nghỉ (không rõ tên và địa chỉ) thuộc phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai để giao cấu, cháu N đồng ý. Tại đây, được sự đồng ý của cháu N, D đã giao cấu với cháu N 01 lần.

- Lần 2: Khoảng 23 giờ ngày (không rõ) cuối tháng 5/2021, tại phòng trọ của cháu N (địa chỉ nêu trên), được sự đồng ý của cháu N, D đã giao cấu với cháu N 01 lần.

- Lần 3: Đến ngày 13 tháng 6 năm 2021, cháu N chuyển đến thuê trọ tại khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 23 giờ ngày 13

tháng 6 năm 2021, tại phòng trọ nêu trên được sự đồng ý của cháu N, D đã giao cầu với cháu N 01 lần.

Kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2021 đến cuối tháng 10 năm 2021, D thường xuyên đến phòng trọ của cháu N chơi. Tại đây, được sự đồng ý của cháu N, D đã giao cầu với cháu N khoảng 12 lần (trung bình khoảng 01 tuần, D giao cầu với cháu N 01 lần).

Đến tháng 11 năm 2021, D và cháu N xảy ra mâu thuẫn nên cả hai không gặp nhau. Sau đó, cháu N phát hiện có thai và đăng hình ảnh siêu âm lên mạng xã hội nên bà Nguyễn Thị Kim A (mẹ cháu N) phát hiện. cháu N kể lại sự việc bị D nhiều lần giao cầu cho bà A biết. Đến ngày 01 tháng 12 năm 2021, bà A đưa cháu N đi khám sản khoa phát hiện có thai. Ngày 11 tháng 01 năm 2022, bà A và cháu N tố cáo hành vi của D đến Công an phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa. Sau đó, Công an phường Tam Hiệp chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa.

Đến ngày 06 tháng 6 năm 2022, cháu N sinh được 01 bé gái và đặt tên là Nguyễn Quỳnh An K.

Tại Kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số: 0024/TDTE/2022 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận cháu Nguyễn Quỳnh Tố N bị xâm hại tình dục như sau:

“- Màng trinh: Hình chóp, đường kính lỗ trinh 1,3cm. Màng trinh rách cũ vị trí 06 giờ và 09 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

- Kết quả xét nghiệm: Không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

- Kết quả siêu âm: Một thai sống #19 tuần 02 ngày trong tử cung”.

Tại Bản kết luận giám định số 3585/KL-KTHS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Nguyễn Quỳnh Tố N và cháu bé sinh ngày 06 tháng 6 năm 2022 và có tên dự định đặt khai sinh là “Nguyễn Quỳnh An K” có quan hệ huyết thống mẹ - con.

- Nguyễn Văn D và cháu bé trên có quan hệ huyết thống cha - con.

- Lưu kiểm gen (ADN) trong hồ sơ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0179/ĐT/2022 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai xác định độ

tuổi của Nguyễn Văn D như sau: “Độ tuổi của Nguyễn Văn D là 21 tuổi 06 tháng (+/-6 tháng) kể từ ngày giám định 23 tháng 02 năm 2022”

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, gia đình bị hại với bị cáo, gia đình bị cáo đã thỏa thuận được số tiền bồi thường và phương án thanh toán tiền bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. cháu N và bà Kim A (mẹ bị hại) đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 516/CT/VKSBH ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d, khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a, d, khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Nguyễn Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, gia đình bị hại với bị cáo, gia đình bị cáo đã thỏa thuận được số tiền bồi thường và phương án thanh toán tiền bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên đề nghị Tòa án ghi nhận và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Kim A có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, không bổ sung gì thêm.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- ***Những chứng cứ xác định có tội:*** Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong bản tự khai và biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định, bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến cuối tháng 10 năm 2021, tại nhà nghỉ (không rõ tên, địa chỉ) thuộc phường L; phòng trọ tại khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai và phòng trọ tại tổ J, khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Đồng Nai, được sự đồng ý của cháu Nguyễn Quỳnh Tố N (sinh ngày 20 tháng 10 năm 2006), Nguyễn Văn D, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2000 có hành vi giao cấu với cháu N khoảng 15 lần, dẫn đến cháu N có thai và sinh 01 bé gái vào ngày 06 tháng 6 năm 2022.

- ***Về tội danh:*** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d, khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 516/CT/VKSBH ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- ***Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:*** Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý bình thường của trẻ em được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Do đó,

hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị cáo, gia đình bị cáo và bị hại, gia đình bị hại đã thỏa thuận được số tiền bồi thường và phương án bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, d, khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (năm) 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo